QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG LAN[1*] - NGUYỄN THÚC HƯƠNG GIANG[1] - THÁI MINH HẠNH[1]
[1]Trường Kinh tế, Đại học Bách khoa Hà Nội
School of Economics and Management, Hanoi University of Science and Technology
*Tác giả liên hệ, E-mail: lan.nguyenhoang1@hust.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/8/2026
Ngày sửa bài: 10/9/2026
Ngày duyệt đăng bài: 24/9/2026

Tóm tắt:

Bài viết hệ thống hóa các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam về công bố thông tin ESG cho các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời đối sánh với kinh nghiệm pháp lý của một số nước, khu vực trên thế giới và khung pháp lý công bố ESG dành cho doanh nghiệp. Bằng việc phân tích văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế, nghiên cứu cho thấy, khung pháp lý nước ta hiện nay vẫn là mô hình "công khai để tuân thủ" và chưa coi ESG là một trụ cột công bố độc lập, bắt buộc. Đối sánh quốc tế cho thấy, Việt Nam không phải là trường hợp cá biệt, nhưng lại đang đi sau so với chính khu vực doanh nghiệp niêm yết trong nước. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một lộ trình để hoàn thiện theo các giai đoạn, hướng đến việc tích hợp ESG vào hệ thống công bố thông tin hiện hành của trường đại học ở Việt Nam.
Từ khóa: ESG, công bố thông tin, giáo dục đại học, phát triển bền vững

Legal regulations on ESG information disclosure in higher education: International experience and recommendations for Vietnam

Abstract:

While many countries are increasingly institutionalizing or promoting ESG disclosure in the corporate sector through various regulatory mechanisms, Vietnam's legal framework for ESG disclosure in higher education remains fragmented and is still largely confined to administrative requirements for public disclosure. This article systematizes Vietnam's current legal provisions on ESG-related information disclosure by higher education institutions and compares them with international legal practices as well as with the ESG disclosure framework applicable to the corporate sector. Through an analysis of legal documents and international standards, the study finds that Vietnam's current framework still follows a "disclose-for-compliance" model and does not yet recognize ESG as an independent and mandatory pillar of disclosure. International comparisons indicate that Vietnam is not an isolated case in this regard; however, higher education institutions lag behind the country's own listed corporate sector in ESG disclosure requirements. Based on these findings, the study proposes a phased roadmap for improving the legal framework and progressively integrating ESG into the existing information disclosure system of Vietnamese higher education institutions.
Keywords: *ESG, information disclosure, higher education, sustainable development*

1. Đặt vấn đề

Cách đây hơn một thập kỷ, ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị) mới chỉ là một khái niệm gắn với đầu tư có trách nhiệm, nhưng hiện đã nhanh chóng trở thành nghĩa vụ pháp lý mà các công ty phải tuân thủ khi công bố thông tin ở nhiều quốc gia. Tiêu biểu như Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Chỉ thị về Báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp (CSRD) sẽ được áp dụng bắt buộc theo từng giai đoạn từ năm tài chính 2024; hay như Hội đồng Chuẩn mực Bền vững Quốc tế (ISSB) cũng đã công bố 2 chuẩn mực IFRS S1 và S2 kể từ năm 2023 và hiện đang được hàng chục quốc gia tham chiếu, áp dụng.

Các trường đại học vốn là những tổ chức sử dụng nguồn lực công ở quy mô lớn và có tác động trực tiếp đến môi trường, xã hội thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu và vận hành cơ sở vật chất trong khuôn viên trường nên ngày càng được kỳ vọng minh bạch hơn về những vấn đề nằm ngoài phạm vi học thuật thuần túy. Sự xuất hiện và phát triển của các bảng xếp hạng liên quan đến phát triển bền vững như THE Impact Rankings và UI GreenMetric World University Rankings đã tạo áp lực đối với các trường đại học trên toàn thế giới trong việc hệ thống hóa và công khai các tác động về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Nhưng như Kalinowski (2025) đã chỉ ra, cho đến nay, vẫn chưa hình thành một bộ quy chuẩn pháp lý ESG thống nhất, mang tính bắt buộc cho giáo dục đại học ở cả cấp quốc tế lẫn quốc gia. Phần lớn các trường vẫn đang vay mượn và vận dụng những khung ESG vốn được thiết kế cho doanh nghiệp, như GRI hay CSRD của EU để báo cáo.

Ở Việt Nam, mối quan tâm đến ESG trong khu vực doanh nghiệp đã tăng lên rõ rệt trong vài năm gần đây. Theo khảo sát của MCG Management Consulting năm 2025, đã có tới 93% trong gần 500 doanh nghiệp thuộc bộ chỉ số VNX Allshare cam kết hoặc lên kế hoạch thực hành ESG, với số báo cáo phát triển bền vững độc lập lên tới 33 báo cáo năm 2024. Song hành với chuyển động đó của khu vực doanh nghiệp là tiến trình tự chủ đại học, được thúc đẩy mạnh mẽ từ khi sửa đổi Luật Giáo dục đại học năm 2018 với yêu cầu ngày càng cao về trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục. Mặc dù vậy, khung pháp lý hiện hành về công khai thông tin, tập trung ở Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về cơ bản vẫn chỉ dừng lại ở các nội dung mang tính hành chính. Những nội dung có thể gọi là "ESG" (chẳng hạn như dữ liệu định lượng về tiêu thụ năng lượng, phát thải, chính sách bình đẳng và hòa nhập, cơ chế quản trị rủi ro hay phòng chống xung đột lợi ích) hầu như chưa được quy định thành các yêu cầu bắt buộc.

Về mặt học thuật, phần lớn các nghiên cứu hiện có về ESG trong giáo dục đại học chủ yếu tiếp cận từ góc độ quản trị và kế toán, trong đó tập trung đo lường mức độ công bố thông tin trên thực tế hoặc đề xuất bộ chỉ số ESG phù hợp với đặc thù giáo dục đại học. Điều còn thiếu là một nghiên cứu mang tính pháp lý, so sánh, đặt câu hỏi một cách hệ thống là liệu các quy định hiện hành của Việt Nam đang đứng ở đâu so với các mô hình pháp lý áp dụng cho trường đại học công lập trên thế giới, và so với chính khung pháp lý ESG mà Việt Nam đã áp dụng cho khu vực doanh nghiệp niêm yết. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết này muốn hướng tới.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nền tảng lý thuyết cho vấn đề công bố thông tin của các trường đại học có thể nhìn từ 4 góc độ bổ sung cho nhau. Salmi (2016) tiếp cận từ lý thuyết trách nhiệm giải trình khi cho rằng trong bối cảnh giáo dục đại học hiện đại, trách nhiệm giải trình cần được hiểu như một cơ chế đa chiều phản ánh mối quan

hệ giữa nhà trường với Nhà nước, thị trường và xã hội, qua đó công bố thông tin trở thành phương tiện để trường đại học chứng minh việc sử dụng nguồn lực công một cách hiệu quả và có đạo đức. Freeman (2010) tiếp cận theo hướng lý thuyết các bên liên quan mà sau này Harkavy (2022) vận dụng vào bối cảnh đại học. Góc tiếp cận này nhấn mạnh, trường đại học không tồn tại độc lập mà luôn chịu sự chi phối của nhiều nhóm lợi ích khác nhau, từ người học, nhà tuyển dụng đến các tổ chức xếp hạng; vì vậy, công bố thông tin là công cụ để nhà trường nhận diện và đáp ứng kỳ vọng của các nhóm này. Lý thuyết tính chính danh mà Schormair và Gilbert (2021) phát triển, lại lý giải động cơ công bố thông tin từ góc độ duy trì sự thừa nhận của xã hội đối với tổ chức. Còn Bergh và cộng sự (2020), với lý thuyết tín hiệu, cho rằng trong điều kiện bất cân xứng thông tin, chính các tổ chức có chất lượng cao mới có động lực chủ động công bố thông tin đáng tin cậy, để tự phân biệt mình với phần còn lại. 4 lăng kính lý thuyết này khi đặt cạnh nhau đã cho thấy công bố thông tin ESG của trường đại học không đơn thuần là một nghĩa vụ hành chính mà còn là một lựa chọn chiến lược gắn với uy tín, niềm tin xã hội và vị thế cạnh tranh của tổ chức.

Trên bình diện thực chứng quốc tế, dòng nghiên cứu về công bố thông tin bền vững của trường đại học đã phát triển khá đa dạng trong khoảng một thập kỷ trở lại đây. Song song với dòng nghiên cứu về giáo dục đại học, một nhánh nghiên cứu khác tập trung vào tác động của quy định pháp lý đối với công bố thông tin ESG của doanh nghiệp cũng cung cấp những gợi ý quan trọng cho nghiên cứu. Krueger và cộng sự (2024) và Frankel và các cộng sự (2025) đều cho thấy, lợi ích của việc luật hóa công bố ESG luôn đi kèm chi phí tuân thủ, và mức độ đánh đổi này phụ thuộc khá nhiều vào trình độ phát triển thể chế của từng thị trường. Nghiên cứu gần đây của Kalinowski (2025), khi khảo sát cách 20 trường đại học dẫn đầu bảng xếp hạng Thượng Hải công bố thông tin bền vững trên website, đã cho thấy dù các trường đều tích cực tham gia vào việc công bố phát triển bền vững nhưng thực hành công bố giữa các trường lại thiếu nhất quán do không có một khung báo cáo chuẩn hóa chung.

Tại Việt Nam, Dao và cộng sự (2020) chỉ ra cơ chế "3 công khai" là công cụ pháp lý quan trọng thúc đẩy minh bạch thông tin của các trường đại học Việt Nam, còn Nguyen và Nguyen (2023) đã nhận diện những rào cản mang tính thể chế và nguồn lực khiến việc triển khai trách nhiệm xã hội đại học tại Việt Nam còn hạn chế. Đặt trong bối cảnh Việt Nam, nơi khu vực doanh nghiệp đang chuyển động khá nhanh về thực hành ESG, phân tích pháp lý của Phùng Phương Anh và cộng sự (2026) lại chỉ ra một nghịch lý đáng suy ngẫm: chính khung pháp lý làm nền cho sự chuyển động ấy, tức là nghĩa vụ công bố ESG của doanh nghiệp niêm yết theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản liên quan, bản thân vẫn còn phân tán, thiếu chuẩn hóa nội dung và cơ chế kiểm chứng độc lập.

Việc đặt quy định pháp lý về công bố ESG của trường đại học Việt Nam vào một khung phân tích so sánh, vừa đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế về giáo dục đại học, vừa đối chiếu với chính khung pháp lý ESG mà nước ta đã áp dụng cho khu vực doanh nghiệp sẽ đưa ra một góc nhìn đầy đủ hơn về khung pháp lý cho việc công bố thông tin trong giáo dục đại học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu từ các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về công bố thông tin của trường đại học, có so sánh đối chiếu với kinh nghiệm của một số nước và khu vực trên thế giới (như Liên minh châu Âu, Anh, Mỹ, Trung Quốc) và khung pháp lý công bố ESG hiện hành của doanh nghiệp.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng khung pháp lý về công bố thông tin ESG tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

Cơ sở pháp lý điều chỉnh trực tiếp hoạt động công bố thông tin của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện nay được cấu thành từ một hệ thống văn bản với nhiều tầng nấc, mà nòng cốt là Luật Giáo dục đại học. Luật Giáo dục đại học năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14), đã đặt trách nhiệm giải trình ngang hàng với quyền tự chủ như một nguyên tắc vận hành của hệ thống và xem đây là điều kiện đi kèm không thể tách rời khi nhà trường được trao thêm quyền quyết định về học thuật, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Đến Luật Giáo dục đại học năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, riêng một số nội dung về mở rộng tự chủ và cơ cấu quản trị có hiệu lực muộn hơn, từ ngày 01/7/2026), yêu cầu công khai, minh bạch tiếp tục được củng cố song hành với việc trao quyền tự chủ sâu rộng hơn cho các trường.

Văn bản hướng dẫn trực tiếp cho nội dung công khai này là Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT) cùng với Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học. Theo Thông tư 09, nội dung công khai bắt buộc được chia thành 4 nhóm chính: Thông tin chung về nhà trường; Thông tin tài chính; Thông tin về điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo và nghiên cứu; và Thông tin về kế hoạch, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Về hình thức, thông tin phải được công bố đồng thời trên Cổng thông tin điện tử của trường và trong Báo cáo thường niên, với yêu cầu cập nhật trên cổng thông tin chậm nhất vào tháng 6 hằng năm, công bố Báo cáo thường niên của năm trước đó trước ngày 30/6, và lưu giữ dữ liệu công khai tối thiểu 5 năm kể từ ngày công bố. Đây chính là mô hình vẫn thường được gọi là "ba công khai", nay đã được mở rộng phạm vi đáng kể so với Thông tư 36/2017 trước đây.

Nhìn từ góc độ các tiêu chí ESG, có thể thấy khung công khai bắt buộc nói trên đã bao phủ phần lớn nội dung liên quan đến hai trụ cột Xã hội và Quản trị, trong khi đó trụ cột Môi trường lại gần như đứng ngoài phạm vi điều chỉnh trực tiếp. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có đặt ra nghĩa vụ quan trắc, báo cáo về nước thải, khí thải và công tác bảo vệ môi trường nhưng các trường đại học chỉ chịu sự điều chỉnh của các quy định này ở phạm vi khá hẹp, chủ yếu liên quan đến việc vận hành phòng thí nghiệm hay xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chứ chưa có một nghĩa vụ công bố thông tin môi trường mang tính hệ thống, toàn diện như đối với doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn.

Quyết định số 1658/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuy xác định vai trò tiên phong của khối giáo dục đại học trong chuyển đổi xanh, nhưng đây là văn bản mang tính định hướng chiến lược, khuyến khích, chứ không phải là nghĩa vụ công bố thông tin có chế tài đi kèm. Khoảng trống pháp lý này khiến các sáng kiến phi nhà nước như bảng xếp hạng UI GreenMetric hay THE Impact Rankings trở thành động lực chủ yếu, thúc đẩy một số trường tự nguyện công bố dữ liệu môi trường.

Nếu xét theo từng trụ cột (E,S,G), có thể thấy các chỉ tiêu vốn được xem là cốt lõi của trụ cột Môi trường theo thông lệ ESG quốc tế (như mức tiêu thụ điện, nước, năng lượng theo từng năm; tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo; cơ chế phân loại, xử lý chất thải; dữ liệu kiểm kê hoặc cắt giảm phát thải khí nhà kính) gần như vắng bóng trong hệ thống công bố thông tin hiện nay, đơn giản vì chưa có quy định pháp luật nào của Việt Nam buộc các cơ sở giáo dục đại học phải thu thập và công bố

các dữ liệu này một cách bắt buộc. Trụ cột Xã hội có nền tảng pháp lý rõ ràng hơn, dù vẫn tản mát ở nhiều văn bản chuyên ngành khác nhau thay vì được quy tụ dưới một khung thống nhất. Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 (thay thế Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP) quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho người học là căn cứ trực tiếp cho phần lớn nội dung công khai liên quan đến hỗ trợ tài chính cho sinh viên. Luật Bình đẳng giới năm 2006 cùng các chính sách hòa nhập dành cho người khuyết tật trong giáo dục đặt ra khung tham chiếu cho nội dung bình đẳng, đa dạng. Bộ luật Lao động năm 2019 điều chỉnh quan hệ lao động giữa nhà trường với đội ngũ viên chức, người lao động, trong đó có các nội dung về an toàn, phúc lợi. Bản thân Thông tư 09 cũng yêu cầu công khai một loạt chỉ tiêu có tính chất xã hội, như số lượng, cơ cấu giảng viên cơ hữu, tỷ lệ sinh viên trên giảng viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp. Trong 3 trụ cột, Quản trị là trụ cột có độ tương thích cao nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, phần lớn nhờ được thúc đẩy song song bởi tiến trình tự chủ đại học, kiểm định chất lượng và yêu cầu tăng cường trách nhiệm giải trình. Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 (thay thế Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, quy định chi tiết thi hành Luật Giáo dục đại học năm 2025) quy định về điều kiện công nhận, tổ chức và quy trình bổ nhiệm nhân sự quản lý cơ sở giáo dục đại học; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025) đã đặt khung cho việc công khai các nội dung tài chính, ngân sách; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 áp đặt nghĩa vụ kê khai tài sản, phòng ngừa xung đột lợi ích đối với cán bộ, viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó có cơ sở giáo dục đại học; và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (được thay thế bởi Luật tiếp cận thông tin 2026) trao cho công dân quyền yêu cầu cung cấp thông tin do các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập nắm giữ.

Cộng hưởng với các yêu cầu công khai theo Thông tư 09 về cơ cấu tổ chức, quy chế nội bộ và kết quả kiểm định đã tạo nên nền tảng pháp lý tương đối vững chắc. Những nội dung mà pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có yêu cầu công bố rõ ràng (chẳng hạn như: cơ chế quản trị rủi ro cấp tổ chức, quy trình kiểm soát nội bộ, chính sách phòng chống xung đột lợi ích ở cấp thực thi, cơ chế tiếp nhận và bảo vệ người tố giác, chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân, hay tỷ lệ nữ giới trong ban lãnh đạo và hội đồng trường) lại chính là những cấu phần cốt lõi của một khung Quản trị theo chuẩn ESG quốc tế.

3 trụ cột khi đặt cạnh nhau, cho thấykhung pháp lý về công bố thông tin của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện nay về cơ bản vẫn là mô hình "công khai để tuân thủ", được xây dựng và vận hành theo cách tiếp cận hành chính, phân tán ở nhiều đạo luật chuyên ngành khác nhau (giáo dục, môi trường, lao động, phòng chống tham nhũng, tiếp cận thông tin), mà chưa có văn bản riêng điều chỉnh việc công bố ESG như một khung tích hợp, thống nhất và bắt buộc. Cấu trúc phân tán này khiến 3 trụ cột E, S, G có mức độ được luật hóa rất khác nhau: Quản trị được bao phủ tương đối kỹ nhờ song hành với tự chủ đại học và phòng chống tham nhũng; Xã hội có nền tảng nhất định nhưng tản mát ở nhiều văn bản chuyên ngành; còn Môi trường gần như là một khoảng trống pháp lý thực sự.

Thực tế đã cho thấy, 2 phạm trù vốn dễ bị nhầm lẫn - tuân thủ nghĩa vụ công khai theo luật định và công bố thông tin theo định hướng ESG - trên thực tế còn cách nhau khá xa. Điều này đặt ra câu hỏi liệu kinh nghiệm pháp lý của các quốc gia khác có gợi mở hướng đi nào cho Việt Nam hay không, cũng như liệu vị trí của cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống pháp luật về công bố thông tin ESG có đang tụt hậu so với khu vực doanh nghiệp niêm yết trong nước hay không.

3.2. Kinh nghiệm quốc tế và định hướng hoàn thiện khung pháp lý về công bố thông tin ESG tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

Tại Liên minh châu Âu, Chỉ thị về Báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp (CSRD) cùng bộ chuẩn mực báo cáo bền vững châu Âu (ESRS) được xem là khung pháp lý công bố ESG bắt buộc quan trọng nhất thế giới hiện nay, nhưng phạm vi áp dụng của CSRD được xác định cho "undertaking" (doanh nghiệp, đơn vị kinh tế), chứ không hướng đến các tổ chức công như đại học công lập. Diễn biến gần đây còn làm phạm vi này hẹp hơn nữa: gói cải cách Omnibus I, được Nghị viện và Hội đồng châu Âu thông qua và chính thức có hiệu lực từ 18/3/2026, đã nâng ngưỡng áp dụng CSRD lên trên 1.000 lao động và trên 450 triệu euro doanh thu thuần (thay vì ngưỡng 250 lao động như trước), đồng thời bãi bỏ hoàn toàn các đợt áp dụng dành cho doanh nghiệp niêm yết quy mô vừa và nhỏ cũng như chi nhánh, công ty con của doanh nghiệp nước thứ ba vốn từng nằm trong lộ trình áp dụng trước đó. Nói cách khác, ngay cả khi một trường đại học công lập của châu Âu có đơn vị hoạt động thương mại (chẳng hạn như chuyển giao công nghệ, dịch vụ đào tạo liên kết…), khả năng đơn vị đó rơi vào phạm vi CSRD sau cải cách Omnibus còn thấp hơn trước. Bản thân các trường đại học công lập châu Âu không chịu áp lực pháp lý trực tiếp nào từ CSRD. Nếu họ có công bố thông tin ESG thì chủ yếu là kết quả của chính sách riêng từng quốc gia thành viên về báo cáo môi trường khu vực công, chứ không xuất phát từ luật công ty của EU.

Tại Vương quốc Anh, không tồn tại một đạo luật ESG bắt buộc dành riêng cho giáo dục đại học nhưng cơ chế điều tiết gián tiếp lại tỏ ra hiệu quả hơn. Office for Students (OfS), cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học tại Anh, gắn các điều kiện đăng ký hoạt động với việc tiếp cận nguồn tài trợ công, qua đó có thể yêu cầu các trường công khai một số nội dung liên quan đến quản trị và trách nhiệm xã hội như một điều kiện duy trì tư cách đăng ký. Song song đó, Universities UK, hiệp hội đại diện cho khối đại học Anh, đã đưa ra cam kết Net Zero tập thể của toàn ngành, còn Alliance for Sustainability Leadership in Education (EAUC) xây dựng Khung đo lường phát thải carbon chuẩn hóa (SCEF), một công cụ đo lường và báo cáo phát thải thống nhất mà ngày càng nhiều cơ quan tài trợ và hội đồng khu vực viện dẫn như chuẩn tham chiếu khi phân bổ ngân sách. Gần đây nhất, Scottish Funding Council, trong Chiến lược cắt giảm carbon 2025 - 2030 công bố tháng 1/2026, đã viện dẫn trực tiếp khung SCEF làm cơ sở đo lường cho các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi tài trợ. Vì vậy, mô hình của Anh có thể gọi là quản lý mềm qua điều kiện cấp phép và tài trợ: không có chế tài trực tiếp cho việc không công bố ESG, nhưng có đòn bẩy tài chính đủ mạnh để tạo động lực tuân thủ trên thực tế. Đây là một kinh nghiệm đáng để Việt Nam tham khảo do cơ chế phân bổ ngân sách và tự chủ tài chính đại học công lập cũng đang đi theo hướng gắn điều kiện với kết quả.

Hoa Kỳ cũng không có yêu cầu bắt buộc mang tính liên bang về công bố ESG cho các cơ sở giáo dục đại học. Hệ thống báo cáo dữ liệu giáo dục đại học tích hợp (IPEDS) do Bộ Giáo dục Hoa Kỳ vận hành chỉ thu thập dữ liệu tài chính, tuyển sinh và tốt nghiệp, không bao gồm nội dung môi trường hay quản trị bền vững. Khoảng trống này được lấp đầy bởi khung Sustainability Tracking, Assessment & Rating System (STARS) do Hiệp hội Thúc đẩy Phát triển bền vững trong Giáo dục đại học (AASHE) xây dựng và vận hành, một công cụ tự đánh giá, hoàn toàn tự nguyện theo sáng kiến ngành, nhưng theo Báo cáo Sustainable Campus Index 2025 của AASHE, đã có hàng nghìn lượt báo cáo được nộp và trở thành chuẩn mực trên thực tế được nhiều bảng xếp hạng đại học xanh quốc tế tham chiếu khi chấm điểm. Bên cạnh đó, một số bang của Mỹ ban hành quy định về kiểm kê, cắt giảm phát thải carbon áp dụng cho toàn bộ cơ sở thuộc

khu vực công, nhưng đây là quy định về môi trường nói chung chứ không phải một khung ESG chuyên biệt cho giáo dục đại học.

Trung Quốc thì theo đuổi chính sách "trường học xanh" (green campus) mang tính định hướng, khuyến khích của Bộ Giáo dục và chính quyền địa phương, không phải một đạo luật cứng có chế tài. Nghiên cứu của Mo và Wang (2023) khi khảo sát 147 đại học thuộc nhóm tinh hoa của Trung Quốc (chương trình "Double First-Class") cho thấy chỉ 4% trong số đó có công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, và phần lớn nội dung công bố mới dừng ở việc liên hệ với các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) một cách rời rạc, thiếu cấu trúc thống nhất theo chuẩn mực báo cáo quốc tế. Điều này khá tương đồng với Việt Nam hiện nay: công bố ESG còn đang ở mức độ sơ khởi, tự nguyện, phụ thuộc phần lớn vào sự chủ động riêng lẻ của từng trường hơn là một khung thể chế thống nhất.

Như vậy, không chỉ có Việt Nam mà nhiều nơi trên thế giới vẫn chưa ban hành một khung pháp lý ESG toàn diện, độc lập dành riêng cho khu vực giáo dục đại học. Một điểm rất đáng chú ý là cơ chế phổ biến và hiệu quả trong thực tiễn quốc tế lại là quản lý mềm qua điều kiện cấp phép và phân bổ ngân sách nhà nước như kinh nghiệm của Anh. Đây là một đòn bẩy mà Việt Nam hoàn toàn có thể vận dụng, do phần lớn cơ sở giáo dục đại học công lập vẫn phụ thuộc đáng kể vào ngân sách nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính có điều kiện. Bên cạnh đó, không thể phủ nhận vai trò của các khung tự nguyện do hiệp hội ngành xây dựng (như STARS của AASHE tại Mỹ hay UI GreenMetric, THE Impact Rankings ở phạm vi toàn cầu). Điều này cho thấy các chuẩn mực trên thực tế do các hiệp hội ngành xây dựng có giá trị như bước đệm trước khi luật hóa chính thức.

Nếu như công bố thông tin ESG trong giáo dục đại học trên thế giới phần lớn vẫn vận hành theo cơ chế "mềm" thì bức tranh của khu vực doanh nghiệp lại hoàn toàn khác. Đây là lĩnh vực đã hình thành một hệ sinh thái chuẩn mực công bố ESG khá dày dặn và ngày càng có tính bắt buộc rõ rệt. Điển hình là Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative, GRI) với bộ Chuẩn mực phổ quát (GRI Universal Standards, ban hành năm 2021). Bộ tiêu chuẩn GRI này là khung tham chiếu lâu đời và được sử dụng rộng rãi nhất dù chưa xây dựng một chuẩn mực ngành riêng cho lĩnh vực giáo dục đại học (Moggi, 2023). Cùng lúc đó, Ủy ban Chuẩn mực Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board, ISSB) đã ban hành hai chuẩn mực IFRS S1 (công bố bền vững nói chung) và IFRS S2 (công bố liên quan khí hậu) từ năm 2023, hiện đang được nhiều quốc gia áp dụng bắt buộc hoặc dùng làm tài liệu tham chiếu theo lộ trình riêng. Khắt khe nhất trong số này là khung CSRD/ESRS của Liên minh châu Âu. Dù sau cải cách Omnibus I đã thu hẹp đối tượng áp dụng như đã phân tích ở trên, đây vẫn là bộ yêu cầu công bố ESG toàn diện và chi tiết nhất hiện có, với 12 chuẩn mực báo cáo cụ thể áp dụng bắt buộc theo lộ trình cho doanh nghiệp lớn kể từ năm tài chính 2024. Điểm chung của cả 3 khung này là chúng đều được thiết kế cho "doanh nghiệp" theo nghĩa chủ thể kinh doanh, hoạt động vì lợi nhuận, có cổ đông hoặc nhà đầu tư. Đây là một giả định nền tảng khác biệt căn bản so với mô hình vận hành phi lợi nhuận, sử dụng ngân sách nhà nước của cơ sở giáo dục đại học công lập.

Việc chuyển từ công bố tự nguyện sang công bố ESG bắt buộc đối với doanh nghiệp nhìn chung cải thiện chất lượng và tính so sánh được của thông tin công bố, nhưng đồng thời làm tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp (Krueger và các cộng sự, 2024), vì vậy, luôn phải cân nhắc cùng với rủi ro tạo gánh nặng tuân thủ không tương xứng, đặc biệt với các tổ chức có quy mô nhỏ hoặc năng lực quản trị dữ liệu còn hạn chế (Frankel và các cộng sự, 2025). Hàm ý của hai nghiên cứu này đối với Việt Nam khá rõ ràng: nếu trong tương lai công bố ESG được luật hóa cho khu vực giáo dục đại học công lập, lộ trình áp dụng

cần cân nhắc sự khác biệt về năng lực giữa các nhóm trường, khi mà nhiều khả năng có sự chênh lệch đáng kể về năng lực công bố thông tin giữa các đại học lớn, quốc tế hóa cao với các trường quy mô nhỏ, đơn ngành hoặc ở địa phương.

Tại Việt Nam, khung pháp lý về công bố thông tin ESG của doanh nghiệp niêm yết đã hình thành sớm hơn và có cấu trúc rõ ràng hơn hẳn so với khu vực giáo dục đại học. Luật Chứng khoán năm 2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật này là nền tảng pháp lý chung. Văn bản trực tiếp nhất điều chỉnh nội dung công bố ESG là Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, trong đó mẫu Báo cáo thường niên tại Phụ lục IV yêu cầu công ty đại chúng, công ty niêm yết công bố một mục riêng về "Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội". Báo cáo này áp dụng theo nguyên tắc tuân thủ hoặc giải trình, nghĩa là nếu không công bố, doanh nghiệp phải nêu rõ lý do. Bên cạnh yêu cầu công bố mang tính văn bản, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh còn duy trì Chỉ số Phát triển bền vững (VNSI) từ năm 2017, định kỳ sàng lọc và công bố danh sách các doanh nghiệp niêm yết đáp ứng tiêu chí phát triển bền vững (như đợt công bố Top 20 VNSI năm 2026 vừa qua với sự góp mặt của các ngân hàng lớn như Vietcombank, ACB), qua đó tạo thêm một kênh "tín hiệu thị trường" bên cạnh nghĩa vụ công bố bắt buộc. Nghiên cứu của Phùng Phương Anh và cộng sự (2026) về nghĩa vụ công bố thông tin ESG trong quản trị công ty của doanh nghiệp niêm yết theo pháp luật Việt Nam cũng chỉ ra khung pháp lý này còn khá phân tán, thiếu một bộ chuẩn mực công bố ESG thống nhất, chi tiết tương tự ESRS của châu Âu, và chủ yếu dừng ở yêu cầu công bố định tính hơn là những chỉ số định lượng có thể đối sánh.

Có thể thấy khu vực doanh nghiệp niêm yết Việt Nam, dù còn nhiều hạn chế so với chuẩn mực quốc tế, vẫn đang đi trước khu vực giáo dục đại học một bước quan trọng ở chỗ đã có một văn bản cụ thể quy định rõ tên gọi, vị trí và nguyên tắc công bố nội dung môi trường, xã hội trong báo cáo thường niên, dù nội dung quản trị (G) vẫn được xử lý rải rác ở các quy định quản trị công ty khác. Trong khi đó, các trường đại học Việt Nam vẫn chưa có một quy định tương ứng; ESG với khu vực này vẫn đứng ngoài phạm vi "công khai bắt buộc" theo Thông tư 09. Khoảng cách thể chế hóa này đặt ra một hàm ý chính sách khá cụ thể: thay vì xây dựng từ đầu một khung công bố ESG hoàn toàn mới cho giáo dục đại học, cơ quan quản lý có thể cân nhắc chọn lọc cấu trúc đã được kiểm nghiệm của Thông tư 96, điều chỉnh nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp với đặc thù quản trị đại học và tích hợp trực tiếp vào Báo cáo thường niên theo Thông tư 09, thay vì tạo thêm một kênh báo cáo song song.

3.3. Hàm ý chính sách hoàn thiện khung pháp lý về công bố thông tin ESG tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

Khung pháp lý hiện hành công bố thông tin ESG trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam thiên về tuân thủ hành chính hơn là giải trình chiến lược và chưa coi ESG là một trụ cột độc lập, bắt buộc. Tình trạng này cũng không phải cá biệt vì nhiều nước trên thế giới chủ yếu dựa vào các cơ chế "mềm" như điều kiện cấp phép, phân bổ tài trợ hay chuẩn mực ngành tự nguyện để thúc đẩy công bố. Nhưng so với chính khu vực doanh nghiệp niêm yết trong nước, cơ sở giáo dục đại học rõ ràng đang đi sau một nhịp.

Việc hoàn thiện khung pháp lý về công bố thông tin ESG trong giáo dục đại học của Việt Nam nên đi theo một lộ trình từng bước thay vì cố gắng ban hành ngay một khung pháp lý toàn diện mà bản thân điều kiện thực thi trong nước chưa theo kịp. Trước mắt, trong ngắn hạn, có thể lồng ghép bộ chỉ tiêu ESG cốt lõi phù hợp với lĩnh vực giáo dục đại học vào một phụ lục hoặc một phần hướng dẫn riêng trong Báo cáo thường niên theo Thông tư 09 để không phát sinh thêm nhiều gánh nặng hành chính cho các trường. Ở tầm trung hạn, khi dữ liệu và kinh nghiệm đã tích lũy đủ từ giai đoạn thí điểm, Bộ Giáo dục và Đào tạo có

thể chủ trì và phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hướng dẫn riêng về công bố thông tin môi trường đặc thù cho cơ sở giáo dục đại học, kết nối trực tiếp với Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Chiến lược tăng trưởng xanh. Về dài hạn, khi các cấu phần riêng lẻ đã được kiểm nghiệm, Việt Nam có thể hướng đến xây dựng một khung ESG-giáo dục đại học quốc gia mang tính thống nhất, đồng thời gắn trực tiếp với cơ chế kiểm định chất lượng và phân bổ ngân sách nhà nước, tương tự cách Office for Students tại Anh đã gắn điều kiện đăng ký với tài trợ công để tạo đòn bẩy tuân thủ trên thực tế.

Lộ trình này chỉ có thể vận hành được nếu có sự tham gia đồng bộ của nhiều bên. Bộ Giáo dục và Đào tạo là đầu mối để chuẩn hóa mẫu biểu và bộ chỉ tiêu ESG chung. Bản thân các cơ sở giáo dục đại học không cần chờ quy định bắt buộc mới hành động. Việc chủ động tích hợp ESG vào Báo cáo thường niên hoàn toàn có thể thực hiện được ngay trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, trước khi có yêu cầu bắt buộc. Các tổ chức kiểm định chất lượng cũng có thể góp phần bằng cách đưa một số tiêu chí ESG vào bộ tiêu chuẩn đánh giá ngoài, qua đó tạo thêm động lực từ phía kiểm định thay vì chờ đợi mệnh lệnh hành chính. Còn cộng đồng nghiên cứu cần tiếp tục kiểm định thực nghiệm tính khả thi của bộ tiêu chí đề xuất, cũng như đánh giá tác động của công bố ESG đến niềm tin xã hội, kết quả tuyển sinh và vị thế xếp hạng của các trường. Đó chính là những bằng chứng mà các nhà hoạch định chính sách sẽ cần để quyết định có luật hóa hay không và luật hóa ở mức độ nào.

4. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy khung pháp lý về công bố thông tin ESG tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam còn phân tán, chưa hình thành cơ chế công bố thống nhất và bắt buộc, đặc biệt đối với trụ cột Môi trường. Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn công bố thông tin ESG của doanh nghiệp niêm yết trong nước cho thấy khả năng vận dụng có chọn lọc các cơ chế và chuẩn mực hiện hành để thu hẹp khoảng trống này. Theo đó, Việt Nam cần từng bước hoàn thiện khung pháp lý theo hướng tích hợp các chỉ tiêu ESG vào cơ chế báo cáo hiện hành, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với đặc thù giáo dục đại học. Đây là cơ sở để tăng cường trách nhiệm giải trình, nâng cao tính minh bạch và thúc đẩy phát triển bền vững trong hệ thống giáo dục đại học.

Nghiên cứu còn hạn chế về phạm vi đối sánh quốc tế và chưa khảo sát trực tiếp các bên liên quan để đánh giá tính khả thi của lộ trình đề xuất. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng đối sánh sang ASEAN, khảo sát các nhà hoạch định chính sách và lãnh đạo trường đại học, đồng thời kiểm định mối quan hệ giữa công bố ESG và kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. Cần nhấn mạnh, công bố thông tin ESG không nên được xem là gánh nặng tuân thủ, mà là công cụ nâng cao trách nhiệm giải trình, minh bạch hóa hoạt động và chứng minh đóng góp của trường đại học đối với người học, cộng đồng và xã hội trong bối cảnh tự chủ đại học ngày càng mở rộng ■

Bài báo là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở của Đại học Bách khoa Hà Nội: "Nghiên cứu áp dụng bộ tiêu chuẩn ESG (Environmental, Social, Governance) trong công bố thông tin của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam", Mã số: T2024-PC-095.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Quốc hội (2025). Luật số 125/2025/QH15: Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 10/12/2025.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Bộ Tài chính (2020). Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

AASHE (2025). Sustainable Campus Index 2025. aashe.org/wp-content/uploads/2025/09/SCI-2025.pdf

Global Reporting Initiative. (2021). GRI Universal Standards 2021. https://www.globalreporting.org/media/efoabd12/public-faqs-universal-standards-_1-october.pdf

IFRS Foundation. (2023). IFRS S1 (Các yêu cầu chung về công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững. https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s1-general-requirements/

IFRS Foundation. (2023). IFRS S2 Công bố thông tin liên quan đến khí hậu. https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/

Dao, T. N., et al. (2020). University Governance in Vietnam: Impacts of Autonomy Policy. International Journal of Educational Management, Vol.34, Is.6, 1011-1031

Frankel, R., Kothari, S. P., & Raghunandan, A. (2025). The economics of ESG disclosure regulation. Review of Accounting Studies, 30(4), 3218–3253. DOI: 10.1007/s11142-025-09900-9.

Harkavy, I. (2022). The University and the Social Responsibilities of Academics in the 21st Century. UNESCO Higher Education Report. https://www.right-to-education.org/sites/right-to-education.org/files/resource-attachments/UNESCO_Higher%20Education%20Global%20Data%20Report_Working%20document_May2022_EN_0.pdf

Kalinowski, J. (2025). Reporting on Sustainability in Universities: A Survey of the Websites of 20 Universities - Shanghai Ranking Leaders. European Research Studies Journal, XXVIII(4), 355–372. DOI: 10.35808/ersj/4117.

Krueger, P., Sautner, Z., Tang, D. Y., & Zhong, R. (2024). The Effects of Mandatory ESG Disclosure Around the World. Journal of Accounting Research, 62(5). DOI: 10.1111/1475-679X.12548

MCG. (2025). Thực hành ESG tại Việt Nam - Số liệu và thực trạng. MCG Management Consulting. https://baocaoesg2025.mcg.com.vn/

Nguyen, T. K. C., & Nguyen, D. T. (2023). The implementation of social responsibility in higher education institutions: the empirical study in an emerging economy. International Journal of Education Economics and Development, 14(3), 318-331.

Phùng Phương Anh, Võ Minh Duy, Trần Thanh Bình (SV), & Đào Xuân Thủy (GVHD) (2026). Nghĩa vụ công bố thông tin ESG trong quản trị công ty của doanh nghiệp niêm yết theo pháp luật Việt Nam. FTU Working Papers Series, 1(5). fwps.ftu.edu.vn

Salmi, J. (2016). Tertiary Education and the Sustainable Development Goals: In Search of a Viable Funding Model. The Education Commission. https://blog.aau.org/wp-content/uploads/2016/10/Tertiary-Education-and-the-SDGs-.pdf

Schormair, M. J., & Gilbert, D. U. (2021). Creating Value by Sharing Values: Managing Stakeholder Value Conflict in the Face of Pluralism through Discursive Justification. Business Ethics Quarterly. https://www.cambridge.org/core/journals/business-ethics-quarterly/article/abs/creating-value-by-sharing-values-managing-stakeholder-value-conflict-in-the-face-of-pluralism-through-discursive-justification/F81F6BE6A1E7187A5BF465CB36B0466E